

Số: /TTr-GPMB

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Phương án và dự toán, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GMB dự án Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT)

Kính gửi: UBND huyện Triệu Sơn.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 về việc ban hành Quy định về thực hiện trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 323/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: số 609/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 về việc phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình; số 2209/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn

nhà đầu tư thực hiện dự án Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT);

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT);

Căn cứ Quyết định số 6854/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT);

Hội đồng BT GPMB dự án trình UBND huyện phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT), với những nội dung sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân có đất, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong khu vực thực hiện dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 06 hộ gia đình.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 05 hộ gia đình.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mồ mã phải di chuyển: không.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 91,0 m² đất.

Trong đó: Đất ở đô thị (ODT) là 91,0 m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

3.1. Bồi thường đất ở:

- Áp dụng Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn.

3.2. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất:

Áp dụng Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bồi thường cây cối, hoa màu.

Áp dụng Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.4 Các chính sách hỗ trợ khác.

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 727.942.946 đồng.

Trong đó:

- Bồi thường hỗ trợ về đất: 477.716.000 đồng;

- Bồi thường cây cối hoa màu: 17.199.590 đồng;
- Bồi thường vật kiến trúc: 198.363.406 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng (5%): 34.663.950 đồng.

(Chi tiết có dự toán kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Do Nhà đầu tư bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý I, năm 2021.

Hội đồng BT GPMB trình UBND huyện phê duyệt để Hội đồng có cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu: VT, HĐ GPMB.

CHỦ TỊCH HĐ BT GPMB



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Phú Quốc**

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN

Dự án: Đường giao thông nối Tỉnh Lộ 514 và Quốc lộ 47C, Huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT)

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-HĐGPMB ngày / /2021 của Hội đồng GPMB huyện Triệu Sơn)

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ (thôn/xóm)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Thành tiền (đồng)			Tổng
								Bồi thường hỗ trợ về đất	Bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu	Bồi thường, Hỗ trợ vật kiến trúc	
I	Thị trấn Triệu Sơn						91,0	477.716.000	6.512.590	70.231.206	654.459.796
1	5	Mai Văn Quyền	Phố Lê Lợi	ONT	33	123	23,0	51.060.000	2.435.000	10.023.703	63.518.703
2	9	Mai Văn Thiện - Đào Thị Thanh	Phố Lê Lợi	ONT	34	343	17,95	39.849.000	1.690.590	12.345.207	53.884.797
3	10	Hà Văn Chuyên	Phố Lê Lợi	ONT	34	344	19,4	43.068.000	320.000	120.017.982	163.405.982
4	14	Nguyễn Đình Hồng	Phố Lê Lợi	ONT	34	335	8,9	19.758.000	1.429.000	3.618.450	24.805.450
5	16	Hoàng Văn Loan	Phố Lê Lợi	ONT	33	86	21,7	323.981.000	638.000	24.225.864	348.844.864
II	Xã Minh Sơn						0	0	10.687.000	28.132.200	38.819.200
1	3	Nguyễn Xuân Mến	Thôn Tân Ninh						10.687.000	28.132.200	38.819.200
II	Tổng						91,0	477.716.000	17.199.590	198.363.406	693.278.996
III	Chi phí thực hiện*5%										34.663.950
IV	Tổng (IV=III+IV)										727.942.946

(Tổng kinh phí BTGPMB: Bảy trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng)